



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3

LIST OF ACCREDITED TESTS, THIRD EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thí nghiệm
Laboratory:	Laboratory
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	Chi nhánh Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - VINACOMIN, Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp
Organization:	MICCO - Industrial Explosives Centre
Số hiệu/ Code:	VILAS 055
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hoá
Field:	Chemical
Người quản lý:	Nguyễn Ngàn
Laboratory manager:	Nguyen Ngan
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	từ ngày / 09 /2025 đến ngày 03/08/2026
Địa chỉ:	Tiểu khu Cầu Sến, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh
Address:	Cau Sen sub area, Yen Tu ward, Quang Ninh province
Địa điểm:	Khu phố Hoàng Mô, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh
Location:	Hoanh Mo Quarter, Hoang Que ward, Quang Ninh province
Điện thoại/ Tel:	0988 928479
Email:	<u>phongthinhkiem055@gmail.com</u>

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3*LIST OF ACCREDITED TESTS, THIRD EXPANSION***VILAS 055****Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Kíp nổ điện tử có mã HS 3603.40.00 <i>Electronic detonator with code HS 3603.40.00</i>	Xác định cường độ nổ <i>Determination of detonation intensity</i>	(5,0 ~ 15,0) mm	QCVN 12-19:2023/BCT
2.		Xác định độ bền mối ghép miệng <i>Determination the durability of the Joints.</i>	(2,0 ± 0,1) kg	
3.		Xác định đường kính ngoài của kíp <i>Determination of Outside diameter</i>	(1,00 ~ 10,00) mm	
4.		Xác định chiều dài kíp <i>Determination of Length</i>	(50 ~ 100) mm	
5.		Xác định khả năng chịu nước <i>Determination of water resistance</i>	≥ 4 giờ/ Hour	
6.		Xác định khả năng chịu chấn động <i>Determination of Shock resistance ability</i>	≥ 5 phút/ minute	
7.		Xác định thời gian giữ chậm <i>Determination of delay time</i>	(0 ~ 20.000) ms	
8.		Xác định khả năng chống uốn của kíp <i>Determination of bending resistance</i>	(50 ± 5) N	
9.		Xác định khả năng kháng rơi của kíp <i>Determination of drop resistance</i>	(5,0 ± 0,5) m	

Ghi chú/Note:

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương ban hành/ *National Technical Regulations issued by the Ministry of Industry and Trade;*
- Trường hợp Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for MICCO - Industrial Explosives Centre that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

